

## CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC CHỌN NGÀNH BÁC SĨ ĐA KHOA CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT

Nguyễn Thị Hương<sup>1+</sup>,  
Giản Hoàng Anh<sup>2</sup>,  
Bùi Thị Minh Châu<sup>3</sup>,  
Vũ Ngọc Diệp<sup>4</sup>

<sup>1</sup>Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam; <sup>2</sup>Trường Đại học Vinh;  
<sup>3</sup>Trường Đại học Y Dược Thái Bình; <sup>4</sup>Trường Đại học Y Hà Nội  
+Tác giả liên hệ • Email: huongnt@vnies.edu.vn

### Article history

Received: 21/7/2023

Accepted: 18/8/2023

Published: 05/11/2023

### Keywords

Influencing factors, general doctor major, medical students, SEM

### ABSTRACT

Career choice plays a crucial role in a person's later life. When selecting a university major, students consider numerous factors. This study investigates the factors affecting the decision to choose the general doctor major of first-year medical students. The study conducted a survey with 351 students at 3 medical universities and used linear structural analysis to test the hypotheses. The results show that there are 4 factors affecting the decision to choose the general doctor major, namely the suitability with personal characteristics, the characteristics of the major, the characteristics of the school, and the influence of significant others. The suitability with personal characteristics is the most influential factor affecting the students' decision to choose the medical major. From these results, some research implications related to career orientation and training activities for students' major selection are also discussed.

## 1. Mở đầu

Nhân lực ngành y tế (cụ thể là đội ngũ bác sĩ) là thành phần quan trọng trong việc cung cấp các dịch vụ y tế chất lượng cao, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân, đạt được các mục tiêu phát triển bền vững liên quan tới sức khỏe. Để đáp ứng những yêu cầu trên, số lượng các trường đại học đào tạo sinh viên (SV) Y khoa đã tăng lên nhanh chóng, cụ thể là tăng gấp đôi trong vòng 5 năm trở lại đây. Sự cạnh tranh ngày càng tăng giữa các cơ sở giáo dục đòi hỏi các trường đại học có các chiến lược nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường sự thu hút của thí sinh đăng ký nguyện vọng vào trường. Hiện nay, có một số tác giả nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn trường đại học của SV như Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009), Nguyễn Minh Hà và cộng sự (2011), Trần Thị Phụng Hà (2014). Tuy nhiên, các tác giả này mới nghiên cứu đến ý định chọn trường đại học nói chung chứ chưa có nghiên cứu liên quan đến ý định chọn ngành Y đa khoa. Do đó, mục tiêu của nghiên cứu này là tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định chọn ngành học Bác sĩ đa khoa của SV năm thứ nhất, qua đó các trường đại học có thể đưa ra những chính sách phù hợp trong việc tuyển sinh của nhà trường.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Mô hình nghiên cứu lí thuyết

Lựa chọn ngành học là một trong những quyết định liên quan đến phát triển nghề nghiệp mà hầu hết mọi người đều phải thực hiện. Đây cũng là một trong những quyết định quan trọng nhất đối với một cá nhân. Có một số mô hình lí thuyết khác nhau nghiên cứu đến vấn đề này như:

*Lí thuyết lựa chọn hợp lí (Rational Choice Theory)*: Theo thuyết lựa chọn hợp lí, con người sử dụng các suy luận để đưa ra các quyết định hợp lí, phù hợp với mục tiêu cụ thể của họ. Các quyết định này hướng tới sự hài lòng và tối đa hóa lợi ích cá nhân với một số hạn chế nhất định có sẵn. Để phân tích hành động lựa chọn của một cá nhân cần phải xem xét hệ thống xã hội của cá nhân đó, bao gồm những người khác, mong muốn và kì vọng của cá nhân đó, các khả năng có thể lựa chọn và kết quả của từng lựa chọn cùng các đặc điểm khác (Kotler & Fox, 1995).

*Lí thuyết lựa chọn trường đại học (Theories of College Choice)*: Mục tiêu của lí thuyết này là xác định quá trình những SV tương lai và gia đình thực hiện khi tìm kiếm trường đại học. Một số lí thuyết đi theo chiều tuyến tính, tức là nghiên cứu cả quá trình lựa chọn một cách có hệ thống. Các lí thuyết khác dựa trên các mô hình kinh tế và xã hội học chỉ ra rằng đối với một số HS, quyết định theo học một trường đại học cụ thể sẽ chỉ dựa trên các yếu tố tình trạng KT-XH, chủng tộc, giới tính, văn hóa và chi phí theo học. Vào những năm 1900, các nghiên cứu về lựa chọn trường

đại học đã thay đổi trọng tâm vì các trường đại học sử dụng nhiều phương pháp truyền thông, tiếp thị để thu hút SV (Bradshaw et al., 2001). Nghiên cứu lựa chọn trường đại học hiện tại chủ yếu theo hướng xây dựng thương hiệu của cơ sở giáo dục và tính kinh tế liên quan đến việc học đại học. Như vậy, các lý thuyết cơ bản về lựa chọn trường đại học tiếp tục đóng vai trò là các hướng dẫn quan trọng để tìm hiểu về quy trình các HS và gia đình trải qua khi tìm hiểu và lựa chọn trường đại học.

*Mô hình lựa chọn trường đại học của David Chapman:* Mô hình này xem xét những yếu tố có ảnh hưởng như thế nào đến quyết định theo học môi trường đại học cụ thể. Những yếu tố này là các đặc điểm cá nhân của HS cùng những yếu tố bên ngoài, bao gồm: (1) Cá nhân có ảnh hưởng; (2) Đặc điểm của cơ sở giáo dục; (3) Nỗ lực giao tiếp của trường đại học với các HS (Chapman, 1981).

*Mô hình quy trình lựa chọn trường đại học của Randall Chapman:* Chapman (1986) đã đề xuất mô hình quá trình lựa chọn trường đại học dựa trên việc nghiên cứu các tài liệu liên quan. Trong mô hình này, quá trình lựa chọn được chia thành 5 giai đoạn: (1) Hành vi trước khi tìm hiểu → (2) Hành vi tìm hiểu → (3) Quyết định nộp đơn → (4) Quyết định lựa chọn → (5) Quyết định theo học.

## **2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành học**

### **2.2.1. Đặc điểm cá nhân**

Porter và Umbach (2006) đã sử dụng lý thuyết phù hợp giữa con người và môi trường (Person-environment fit), cho rằng SV sẽ có kết quả tốt nhất nếu họ chọn ngành học phù hợp với tính cách, sở thích, niềm tin và quan điểm chính trị của họ. Họ có xu hướng chọn các lĩnh vực có các SV khác giống mình để chia sẻ sở thích và ý tưởng của bản thân, từ đó mang lại cảm giác thân thuộc với môi trường, cộng đồng học thuật của mình.

Pringle và cộng sự (2010) cũng cho rằng đặc tính tính cách cũng góp phần trong việc ra quyết định chọn ngành học. Một số lĩnh vực nghiên cứu và nghề nghiệp có những khuôn mẫu tính cách nhất định và SV thường chọn ngành học dựa trên mức độ phù hợp tính cách của họ với khuôn mẫu đó. Tương tự, nghiên cứu của Borchert (2002) cũng đã mô tả nhóm yếu tố tính cách cá nhân là cách suy nghĩ, thái độ, hành động và nhận thức của SV thúc đẩy quyết định chọn ngành của họ.

Yếu tố cá nhân khác cũng quan trọng trong việc ra quyết định chọn ngành học là sở thích và năng lực bản thân. Nghiên cứu của Bikse và cộng sự (2018) đưa ra kết quả hầu hết người tham gia khảo sát đều cho rằng sở thích đóng vai trò quan trọng trong việc lựa chọn ngành học vì họ tin rằng điều quan trọng nhất trong quá trình lựa chọn là hiểu được sở thích và khám phá khả năng của bản thân. Sự tự tin vào năng lực bản thân cũng được coi là yếu tố chính trong việc lựa chọn ngành học. Tự tin vào năng lực bản thân tức là niềm tin của một SV vào khả năng của chính mình có thể thành công trong ngành học đã chọn (Porter & Umbach, 2006). Sự tự tin này thường bắt nguồn từ thành công hay thất bại trong các trải nghiệm học tập trước đây. Càng đạt nhiều thành công trong một hướng cụ thể (ví dụ hướng khoa học tự nhiên hay khoa học xã hội, các môn cụ thể,...) thì SV càng có nhiều khả năng kiên trì theo đuổi ngành học liên quan.

### **2.2.2. Đặc điểm trường học**

Nghiên cứu của Chapman (1981) cho rằng các đặc điểm của trường đại học như học phí, vị trí, chính sách hỗ trợ chi phí và kí túc xá sẽ ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của SV. Tương tự, nghiên cứu của Kealy và Rockel (1987) đã đề xuất 3 nhận thức chung về chất lượng trường học: chất lượng trường học, môi trường xã hội và vị trí địa lý. Theo nghiên cứu của Clayton (2013) thì yếu tố chất lượng trường học có thể hiểu tương tự như danh tiếng trường học. Các yếu tố phổ biến nhất liên quan đến chất lượng và danh tiếng trường học bao gồm: chương trình học, trình độ giảng viên, cơ sở vật chất và cuối cùng là môi trường lớp học.

### **2.2.3. Đặc điểm ngành học**

Lựa chọn ngành học là một quá trình lâu dài, phức tạp và khó khăn đối với bất kì HS nào bởi vì lựa chọn ngành học liên quan trực tiếp đến cơ hội nghề nghiệp tương lai của một cá nhân. Vậy nên, việc hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp có thể sử dụng để tìm hiểu về yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn ngành học. Theo Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009), cơ hội việc làm là có thu nhập cao, vị trí cao trong xã hội; cơ hội học tập là mong muốn được học cao hơn, mong muốn được du học nước ngoài. Theo Edmonds (2012), một trong các yếu tố ảnh hưởng quyết định chọn ngành học của người học là tỉ lệ SV ra trường có việc làm hàng năm.

### **2.2.4. Cá nhân có ảnh hưởng**

Trong nghiên cứu của mình, Chapman (1981) đã chỉ ra rằng, trong quá trình chọn trường đại học, SV bị thuyết phục mạnh mẽ bởi những bình luận, khuyên nhủ của bạn bè và gia đình. Những ảnh hưởng thường diễn ra theo 3 hướng: (1) Những bình luận định hình mong muốn của SV về một ngôi trường sẽ theo học như thế nào; (2) Họ có thể đưa ra những lời khuyên trực tiếp về việc SV nên theo học trường nào; (3) Nếu là bạn thân, trường nơi họ lựa

chọn theo học sẽ ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của SV. Nghiên cứu của Hossler và Gallagher (1987) cũng cho kết quả tương tự về vai trò quan trọng của cha mẹ trong quyết định theo học và lựa chọn cuối cùng của SV.

### 2.2.5. Nỗ lực giao tiếp của trường học

Sự giao tiếp với trường đại học bao gồm websites, các bức thư cá nhân, các gian hàng tuyển dụng việc làm, quảng cáo và các tài liệu khuyến mãi. Đây là những hoạt động liên quan đến ảnh hưởng chọn trường hoặc ngành học. Chapman (1981) sau nghiên cứu của mình cũng đặc biệt nhấn mạnh sự ảnh hưởng của nỗ lực giao tiếp của các trường với HS đến quyết định chọn trường của các HS. Trong những nỗ lực ấy, sự cải thiện hình ảnh của trường thông qua các hoạt động giới thiệu, quảng bá hình ảnh đến các HS; phát triển các chiến lược thu hút HS như giới thiệu học bổng, học bổng du học hay đăng quảng cáo lên tạp chí, tivi hoặc thông qua các hoạt động văn hóa, thể thao để lôi kéo sự quan tâm của các HS và gia đình của họ. Hossler và Gallagher (1987) còn cho rằng việc tham quan trực tiếp trường học hay các buổi giới thiệu về trường cũng ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của HS.

### 2.3. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Trên cơ sở 5 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường/ngành học với quá trình tìm hiểu, đối chiếu, so sánh của nhóm nghiên cứu với những nghiên cứu đã được thực hiện trước đây, chúng tôi đề xuất mô hình nghiên cứu với 5 giả thuyết như sau:

- Giả thuyết H1: Các đặc điểm cá nhân của SV (DDCN) có ảnh hưởng tích cực tới việc chọn ngành Bác sĩ đa khoa của SV năm thứ nhất.
- Giả thuyết H2: Đặc điểm của trường đại học (DDT) càng tốt, xu hướng chọn trường đại học đó càng cao.
- Giả thuyết H3: Đặc điểm của ngành học (DDN) có ảnh hưởng tích cực tới việc chọn ngành Bác sĩ đa khoa của SV năm thứ nhất.
- Giả thuyết H4: Sự định hướng của các thân nhân của SV (AH) về việc dự thi vào ngành Bác sĩ đa khoa càng lớn, xu hướng chọn ngành học đó của SV càng cao.
- Giả thuyết H5: Sự nỗ lực trong giao tiếp của một trường đại học (NLGT) với các SV càng nhiều, SV sẽ chọn trường đó càng nhiều.

### 2.4. Phương pháp nghiên cứu

#### 2.4.1. Thang đo và thiết kế bảng hỏi

Thang đo các biến số chính trong nghiên cứu được lấy từ các nguồn khác nhau (bảng 1). Các thang đo được sử dụng trong nghiên cứu này hầu hết là các thang đo đã được sử dụng trong các nghiên cứu trước. Ngoài ra, với đặc điểm của ngành Bác sĩ đa khoa, chúng tôi đã tự phát triển thêm một số thang đo với sự tham vấn của chuyên gia.

Bảng 1. Thang đo các biến số của nghiên cứu

Biến số	Các mục hỏi	Nguồn
Đặc điểm cá nhân	CN1 Đây là ngành học mơ ước từ nhỏ của tôi	Pringle và cộng sự (2010), Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009), Lê Thái Phương (2021)
	CN2 Ngành học này phù hợp với năng lực của tôi	
	CN3 Ngành học này phù hợp với tính cách của tôi	
	CN4 Ngành học này phù hợp với sở thích của tôi	
	CN5 Ngành học này phù hợp với giới tính của tôi	
Đặc điểm trường học	DD1 Vị trí của trường phù hợp với việc di chuyển hàng ngày của tôi	Nguyễn Phương Toàn (2011), Clayton (2013), Chapman (1981), Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009)
	DD2 Trường có cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại	
	DD3 Trường có chính sách học phí phù hợp với hoàn cảnh của tôi	
	DD4 Trường có chính sách học bổng cho SV	
	DD5 Trường có chính sách ưu tiên cho SV có hoàn cảnh khó khăn	
	DD6 Trường có danh tiếng trong hệ thống các ngành về khoa học sức khỏe	
	DD7 Trường có đội ngũ giảng viên giỏi và giàu kinh nghiệm	
	DD8 Trường có quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học đào tạo y khoa trên thế giới	
Đặc điểm ngành học	NN1 Ngành học này có cơ hội việc làm cao sau khi tốt nghiệp	Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009)
	NN2 Ngành học này có thu nhập cao sau khi ra trường	
	NN3 Ngành học này có nhiều cơ hội thăng tiến nghề nghiệp	
	NN4 Ngành học này có nhiều cơ hội được đào tạo, nâng cao trình độ	
Cá nhân có ảnh hưởng	AH1 Đây là ngành truyền thống của gia đình tôi	Clayton (2013), Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa (2017), Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009)
	AH2 Tôi chọn ngành học này theo lời khuyên của bố mẹ	
	AH3 Tôi chọn ngành này theo trào lưu/xu hướng	
	AH4 Tôi chọn ngành này theo lời khuyên của bạn bè	
	AH5 Tôi chọn ngành này theo tư vấn của GV THPT	

Nỗ lực giao tiếp của trường học	NL1	Tôi biết được các thông tin trường qua phương tiện truyền thông (TV, Internet...)	Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009), Burns (2006)
	NL2	Tôi biết được thông tin về ngành học qua quảng cáo trên báo, tạp chí, các tài liệu in ấn khác...	
	NL3	Tôi biết được các thông tin ngành học qua hoạt động tư vấn tuyển sinh	
	NL4	Tôi đã được giới thiệu về ngành học qua hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường THPT	
	NL5	Tôi được tham quan trực tiếp trường đại học y khi còn học ở trường THPT	
Mức độ hài lòng khi chọn ngành Y đa khoa	HL1	Tôi cảm thấy lựa chọn của tôi là đúng	Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009)
	HL2	Tôi sẽ theo đuổi ngành học này đến hết khóa học	
	HL3	Tuyệt vời, tôi sẽ là sử giả cho việc lựa chọn ngành học của các em cuối cấp THPT	
	HL4	Tôi bị hụt hẫng, giá như ngày trước tôi chọn ngành học khác	

Bảng câu hỏi được thiết kế gồm 2 phần. Phần 1 là 27 mục hỏi liên quan đến 5 biến số của mô hình nghiên cứu và 4 mục hỏi liên quan đến mức độ hài lòng khi chọn ngành Y đa khoa của SV. Mỗi mục hỏi được đánh giá trên thang Likert 5 điểm đi từ 1 - “Hoàn toàn không đồng ý” đến 5 - “Hoàn toàn đồng ý”. Phần 2 là các câu hỏi liên quan đến thông tin cá nhân của SV như giới tính, thời gian tìm hiểu ngành học, nơi sinh sống.

#### 2.4.2. Đối tượng và mẫu điều tra

Chúng tôi điều tra SV năm nhất chuyên ngành Y đa khoa đến từ 3 trường đại học bao gồm: Đại học Y Hà Nội, Đại học Y Dược Thái Bình, Đại học Y Hải Phòng theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Thời gian điều tra là cuối học kỳ 2 của năm thứ nhất, năm học 2022-2023.

Về cỡ mẫu, chúng tôi dự kiến kiểm định mô hình nghiên cứu của mình với phân tích cấu trúc tuyến tính (SEM) nên việc lựa chọn mẫu hướng tới đảm bảo các điều kiện của phân tích này. Theo Hair và cộng sự (2010) thì quy luật tổng quát cho cỡ mẫu tối thiểu trong phân tích yếu tố khám phá EFA là gấp 5 lần số biến quan sát. Mô hình nghiên cứu này ước lượng có 31 biến quan sát, như vậy kích thước mẫu ước lượng tối thiểu sẽ là 155. Đối với phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM, theo Hair và cộng sự (2010) thì cỡ mẫu phù hợp sẽ được xác định dựa trên các nhóm yếu tố. Đối với nghiên cứu này, có 5 nhóm yếu tố, cỡ mẫu tối thiểu trên 150, mỗi nhóm có từ 3 biến quan sát nên phần trăm của phương sai câu hỏi được giải thích bởi các yếu tố của các biến quan sát là 0.5. Việc điều tra được tiến hành thông qua bảng hỏi online. Số phiếu thu về và sử dụng được cho phân tích là 351 phiếu.

#### 2.4.3. Phân tích dữ liệu

Thang đo và độ tin cậy của biến quan sát được đánh giá bằng hệ số Cronbach's Alpha và phương pháp phân tích yếu tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis). Yêu cầu để thang đo được chấp nhận là loại bỏ các biến số có tương quan biến tổng (item-total correlation) nhỏ hơn 0.3 và hệ số Cronbach's Alpha nhỏ hơn 0.6. Bước cuối cùng là kiểm định mô hình bằng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM. Với nghiên cứu này, cỡ mẫu thu được là 351 nên chúng tôi sẽ chọn Factor loading  $\geq 0.5$ . Các phân tích trên được thực hiện với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS và Amos 20.

### 2.5. Kết quả và thảo luận

#### 2.5.1. Về đặc điểm mẫu điều tra

Đặc điểm của mẫu nghiên cứu được thể hiện ở bảng sau:

*Bảng 2. Thống kê đặc điểm của mẫu nghiên cứu*

Các thông số của mẫu		Tần suất	Tỉ lệ (%)
1. Trường	Đại học Y Hà Nội	71	20.2
	Đại học Y Dược Thái Bình	136	38.7
	Đại học Y Hải Phòng	144	41.0
2. Giới tính	Nữ	188	53.6
	Nam	161	45.9
	Khác	2	.6
3. Thời gian tìm hiểu ngành học	Trước lớp 10	82	23.4
	Khi đang học lớp 10	52	14.8
	Khi đang học lớp 11	66	18.8
	Khi đang học lớp 12	108	30.8
	Khác	43	12.3
4. Nơi sinh trường	Vùng sâu/xa	34	9.7
	Nông thôn	219	62.4
	Thành thị	98	27.9

Tỉ lệ mẫu điều tra không phân bố đều ở các trường là do tiếp cận nghiên cứu theo hướng thuận tiện. Tuy nhiên, chúng tôi không dự định so sánh giữa các trường đại học, vì vậy điều này không ảnh hưởng đến mục tiêu nghiên cứu.

cứ. Số lượng SV nam và nữ trong mẫu nghiên cứu tương đối cân bằng nhau. Thời gian tìm hiểu ngành học của SV chủ yếu là khi đang học lớp 11 và 12 (chiếm 49.6%). SV chủ yếu sinh trưởng ở vùng nông thôn (chiếm 62.4%).

### 2.5.2. Kiểm định thang đo

#### 2.5.2.1. Phân tích yếu tố khám phá (EFA)

Trước hết, chúng tôi tiến hành phân tích EFA và phân tích độ tin cậy để kiểm định sơ bộ thang đo. Đối với thang đo đặc điểm trường học có các mục hỏi DD1, DD3, DD5; đặc điểm ngành học có các mục hỏi NN4, NN5; cá nhân có ảnh hưởng có các mục hỏi AH1, AH2; nỗ lực giao tiếp của trường học có mục hỏi NL1 bị loại do hệ số tải < 0.5. Sau khi loại các mục hỏi trên, hệ số Cronbach's Alpha của 5 thang đo đều từ 0.825-0.892 và hệ số tải của mỗi thang đo đều > 0.5. Các kết quả này chỉ ra thang đo đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy để tiến hành các phân tích tiếp theo.

Bảng 3. Hệ số Cronbach's Alpha và hệ số tải của các mục hỏi

Các mục hỏi và hệ số Cronbach's Alpha		Hệ số tải
<b>1. Đặc điểm cá nhân, <math>\alpha = 0.858</math></b>		
CN1	Đây là ngành học mơ ước từ nhỏ của tôi	.749
CN2	Ngành học này phù hợp với năng lực của tôi	.701
CN3	Ngành học này phù hợp với tính cách của tôi	.812
CN4	Ngành học này phù hợp với sở thích của tôi	.896
CN5	Ngành học này phù hợp với giới tính của tôi	.523
<b>2. Đặc điểm trường học, <math>\alpha = 0.892</math></b>		
DD2	Trường có cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại	.655
DD4	Trường có chính sách học bổng cho SV	.637
DD6	Trường có danh tiếng trong hệ thống các ngành về khoa học sức khỏe	.891
DD7	Trường có đội ngũ giảng viên giỏi và giàu kinh nghiệm	.964
DD8	Trường có quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học đào tạo y khoa trên thế giới	.755
<b>3. Đặc điểm ngành học, <math>\alpha = 0.825</math></b>		
NN1	Ngành học này có cơ hội việc làm cao sau khi tốt nghiệp	.698
NN2	Ngành học này có thu nhập cao sau khi ra trường	.773
NN3	Ngành học này có nhiều cơ hội thăng tiến nghề nghiệp	.818
<b>4. Cá nhân có ảnh hưởng, <math>\alpha = 0.879</math></b>		
AH3	Tôi chọn ngành này theo trào lưu/xu hướng	.864
AH4	Tôi chọn ngành này theo lời khuyên của bạn bè	.935
AH5	Tôi chọn ngành này theo tư vấn của GV THPT	.693
<b>5. Nỗ lực giao tiếp của trường học, <math>\alpha = 0.831</math></b>		
NL2	Tôi biết được thông tin về ngành học qua quảng cáo trên báo, tạp chí, các tài liệu in ấn khác...	.637
NL3	Tôi biết được các thông tin ngành học qua hoạt động tư vấn tuyển sinh	.869
NL4	Tôi đã được giới thiệu về ngành học qua hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường THPT	.804
NL5	Tôi được tham quan trực tiếp Trường Đại học y khi còn học ở trường THPT	.617

Ghi chú: Phân tích EFA: Chỉ số KMO = .888 > 0.5; P = .000 (Bartlett's Test), phân tích thành phần chính với phép quay Varimax, % phương sai giải thích của 5 yếu tố = 62.773% > 50%.

#### 2.5.2.2. Phân tích yếu tố khẳng định (CFA)

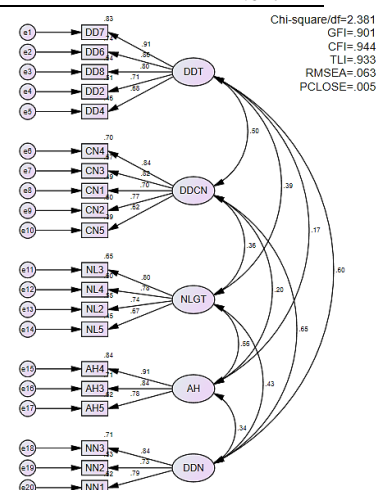
Thang đo của nghiên cứu tiếp tục được phân tích yếu tố khẳng định CFA. Kết quả được thể hiện ở hình 1.

Theo kết quả phân tích CFA, các chỉ số chính về sự phù hợp của mô hình bao gồm Chi-square/df = 2.381 < 3; GFI = .901 > .9; CFI = .944 > .9; TLI = .933; RMSEA = .063 và PCLOSE = .005 < .05. Các chỉ số này đảm bảo độ phù hợp tốt của dữ liệu với mô hình nghiên cứu (Hair et al., 2010).

#### 2.5.2.3. Kiểm định giả thuyết nghiên cứu với phân tích SEM

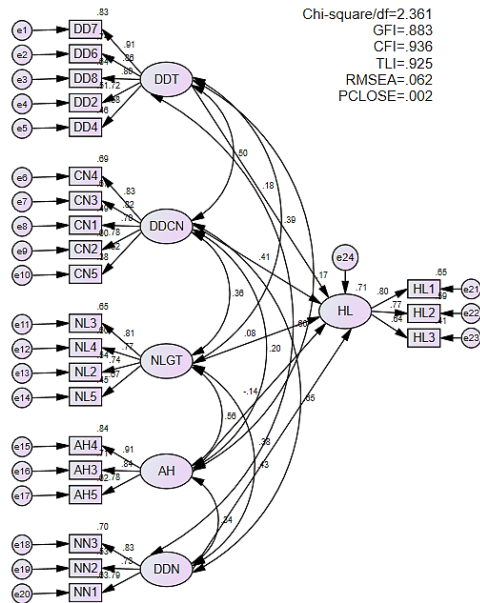
Sau khi các thang đo được kiểm định, chúng tôi tiến hành các kiểm định giả thuyết với phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM). Kết quả được trình bày ở hình 2.

Mô hình 1: 5 yếu tố giải thích việc lựa chọn ngành Y đa khoa (đặc điểm trường, đặc điểm cá nhân, nỗ lực giao tiếp của trường đại học, cá nhân có ảnh hưởng, đặc điểm ngành học).

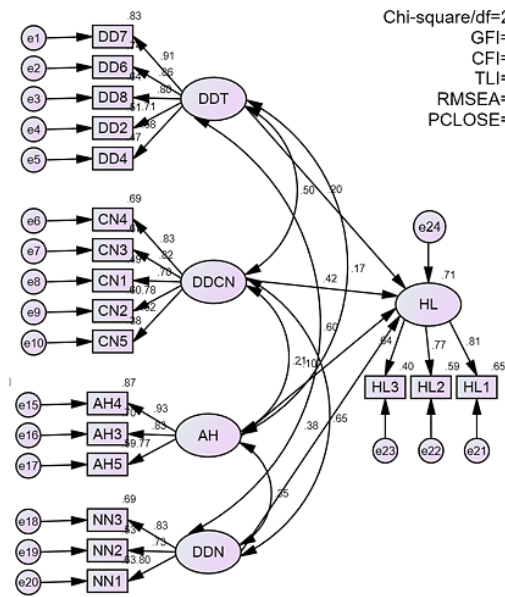


Hình 1. Kết quả phân tích CFA (hệ số chuẩn hóa)





Mô hình 1



Mô hình 2

Hình 2. Kết quả phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM)

Chú giải: HL: Mức độ hài lòng khi chọn ngành Y đa khoa.

Mô hình 2: 4 yếu tố giải thích việc lựa chọn ngành Y đa khoa (đặc điểm trường, đặc điểm cá nhân, cá nhân có ảnh hưởng, đặc điểm ngành học).

Chúng tôi tiến hành 2 mô hình phân tích:

+ Mô hình 1: Biến phụ thuộc là mức độ hài lòng khi chọn ngành Y đa khoa, 05 biến độc lập gồm (đặc điểm trường, đặc điểm cá nhân, nỗ lực giao tiếp của trường đại học, cá nhân có ảnh hưởng, đặc điểm ngành học). Các chỉ số thống kê quan trọng về sự phù hợp của mô hình phân tích đều phù hợp. Tuy nhiên, biến độc lập nỗ lực giao tiếp của trường đại học không có tác động có ý nghĩa thống kê với mức độ hài lòng khi chọn ngành Y đa khoa của SV do đó chúng tôi loại yếu tố này ra khỏi mô hình và tiến hành kiểm định mô hình 2.

+ Mô hình 2: Biến phụ thuộc là mức độ hài lòng khi chọn ngành Y đa khoa, 04 biến độc lập gồm (đặc điểm trường, đặc điểm cá nhân, cá nhân có ảnh hưởng, đặc điểm ngành học). Các chỉ số thống kê quan trọng về sự phù hợp của mô hình phân tích đều phù hợp. Tất cả các biến độc lập đều tác động có ý nghĩa thống kê đối với mức độ hài lòng khi chọn ngành Y đa khoa. Trong đó, biến đặc điểm cá nhân ảnh hưởng lớn nhất đến mức độ hài lòng khi chọn ngành Y đa khoa (.419). Nghiên cứu của Lê Thái Phụng (2021) cũng đưa ra kết luận sự phù hợp của ngành học với đặc điểm cá nhân là tác động lớn nhất. Hai yếu tố đặc điểm ngành học và đặc điểm trường học có tác động tích cực/thuận chiều; riêng yếu tố cá nhân có ảnh hưởng ngược chiều tới mức độ hài lòng khi chọn ngành Y đa khoa. Kết quả này cho thấy các giả thuyết H1, H2, H3, H5 đều đạt. Mô hình 2 này giải thích 62,8% mức biến thiên trong ý định chọn ngành Y đa khoa của SV.

### 3. Kết luận

Nghiên cứu đã xây dựng và kiểm chứng mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành Y đa khoa của SV năm thứ nhất trường y với 4 đặc điểm đại diện theo mức độ ảnh hưởng từ mạnh đến yếu là sự phù hợp với đặc điểm cá nhân; đặc điểm ngành học và đặc điểm trường học, cá nhân có ảnh hưởng. Mô hình nghiên cứu giải thích 62,8% cho tổng thể về mối liên hệ của 4 nhóm đặc điểm với biến lựa chọn ngành Y đa khoa của SV.

Đề HS có thể đưa ra quyết định chọn ngành phù hợp sau khi học xong phổ thông thì cần có sự quan tâm từ nhiều đối tượng, gồm các trường phổ thông, các trường đại học và gia đình để HS có thể phân tích được sự phù hợp của ngành học với tính cách, sở thích và năng lực bản thân. Các thông tin về ngành học như cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp, thu nhập sau khi ra trường, cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp, cơ hội được đào tạo nâng cao trình độ cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến quyết định chọn ngành học của HS. Do đó, các trường đại học cần có những chính sách phù hợp trong hoạt động truyền thông và đào tạo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nghiên cứu này cũng còn một số hạn chế như phương pháp chọn mẫu thuận tiện nên tính đại diện của mẫu chưa cao. Ở những nghiên cứu tiếp theo, chúng tôi sẽ mở rộng phương pháp chọn mẫu xác suất và mở rộng đối tượng khảo sát để có tính khái quát tốt hơn.

#### Tài liệu tham khảo

- Bikse, V., Ezera, I. L., Libkovska, U., & Rivza, B. (2018). *Comparative analysis of career choices by students in Latvia and the UK*. 4th International Conference on Higher Education Advances (HEAD'18), Universitat Politècnica de València. <https://doi.org/10.4995/head18.2018.8202>
- Borchert, M. (2002). *Career choice factors of high school students*. A Research Paper.
- Bradshaw, G., Espinoza, S., & Hausman, C. (2001). The college decision-making of high achieving students. *College and University*, 77(2), 15-22.
- Burns, M. J. (2006). *Factors influencing the college choice of African-American students admitted to the College of Agriculture, Food and Natural resources*. Thesis Master of Science, University of Missouri-Columbia.
- Chapman, D. W. (1981). A model of student college choice. *The Journal of Higher Education*, 52(5), 490-505. <https://doi.org/10.2307/1981837>
- Chapman, R. G. (1986). Toward a theory of college selection: A model of college search and choice behavior. *Advances in Consumer Research*, 13, 246-250.
- Clayton, D. D. (2013). *Factors and influences contributing to the college selection decision of high achieving high school seniors*. Dissertations, Western Kentucky University. <https://digitalcommons.wku.edu/diss/49/>
- Edmonds, J. (2012). *Factors influencing choice of college major: what really makes a difference?*. Thesis and Dissertations, Rowan University. <https://rdw.rowan.edu/etd/147/>
- Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E. (2010). *Multivariate Data Analysis* (7th edition). Pearson.
- Hossler, D., & Gallagher, K. (1987). Studying college choice: A three-phase model and implications for policy makers. *College and University*, 62, 207-221.
- Kealy, M. J., & Rockel, M. (1987). Student perceptions of college quality: The influence of college recruitment policies. *The Journal of Higher Education*, 58(6), 683-703. <https://doi.org/10.2307/1981104>
- Kotler P., & Fox, K. (1995). *Strategic Marketing for Educational Institutions* (2nd ed.). Prentice Hall.
- Lê Thái Phương (2021). Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành Du lịch của sinh viên đại học thuộc khu vực miền Trung sau tác động của Covid-19. *Tạp chí Khoa học, Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển*, 5A, 63-77.
- Nguyễn Minh Hà, Huỳnh Gia Xuyên, Huỳnh Thị Kim Tuyết (2011). Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc sinh viên chọn Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 6(2), 107-117.
- Nguyễn Phương Toàn (2011). *Khảo sát các yếu tố tác động đến việc chọn trường của học sinh lớp 12 trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Tiền Giang*. Luận văn thạc sĩ Đo lường và Đánh giá trong giáo dục, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phan Thị Thanh Thủy, Nguyễn Thị Minh Hòa (2017). Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn theo học chương trình đào tạo có yếu tố nước ngoài ở Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế. *Tạp chí Khoa học, Đại học Huế*, 126(5A), 29-42.
- Porter, S. R., & Umbach, P. D. (2006). College Major Choice: An Analysis of Person-Environment Fit. *Research in Higher Education*, 47(4), 429-449. <https://doi.org/10.1007/s11162-005-9002-3>
- Pringle, C. D., Dubose, P. B., & Yankey, M. D. (2010). Personality Characteristics and Choice of Academic Major: Are Traditional Stereotypes Obsolete? *College Student Journal*, 44(1), 131-142.
- Trần Thị Phụng Hà (2014). Định hướng giá trị nghề nghiệp của sinh viên Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ*, 34, 113-125.
- Trần Văn Quý, Cao Hào Thi (2009). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh phổ thông trung học. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, 12(15), 87-102.